TÒA ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 2 - NINH BÌNH** Bản án số: 05/2025/HNGĐ-ST Ngày 16 tháng 9 năm 2025 V/v "ly hôn, tranh chấp nuôi con ".	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 2 - NINH BÌNH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: ông Phan Ngọc Hà

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Bà Nguyễn Thị Hoan;

2. Ông Đỗ Xuân Tuấn.

- Thư ký phiên tòa: ông Phạm Việt Dũng – Thư ký Toà án nhân dân khu vực 2, tỉnh Ninh Bình.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 2, tỉnh Ninh Bình tham gia phiên toà*:* bà Trịnh Thị Huế - Kiểm sát viên.

Ngày 16 tháng 9 năm 2025 tại phòng xét xử dân sự. Tòa án nhân dân khu vực 2 – Ninh Bình, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 22/2025/TLST- HNGĐ ngày 22 tháng 5 năm 2025 về " Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn " theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 04/2025/QĐXX-ST ngày 07 tháng 8 năm 2025; quyết định hoãn phiên toà số: 04/2025/QĐST-HNGĐ ngày 25 tháng 8 năm 2025, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: chị Nguyễn Thị P, sinh năm 2002. Nơi cư trú: thôn T, xã G, tỉnh Ninh Bình (địa chỉ cũ: thôn T xã G, huyện G, tỉnh Ninh Bình) có mặt.

2. Bị đơn: anh Vũ Ngọc T, sinh năm 1997 (vắng mặt)

Nơi cư trú: thôn K, phường T, tỉnh Ninh Bình (địa chỉ cũ: thôn K, xã Q, thành phố T, tỉnh Ninh Bình).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 01 tháng 4 năm 2025 và trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn chị Nguyễn Thị Phương trình B:

Về quan hệ hôn nhân: chị và anh Vũ Ngọc T được tự do tìm hiểu, hai bên hoàn toàn tự nguyện và đi đến hôn nhân, được đăng ký tại ủy ban nhân dân xã Q, thành phố T, tỉnh Ninh Bình vào năm 2020. Sau ngày cưới vợ chồng chung sống cùng bố mẹ T. Anh Tú thể hiện là người gia trưởng, hai bên thường xuyên xung đột, anh T thường xuyên dùng bạo lực để đánh chị, mỗi lần như thế hàng xóm cũng như gia đình đều chứng kiến, khuyên ngăn. Do anh T có quan hệ không lành mạnh với người phụ nữ khác nên đầu năm 2023 chị đã bỏ về nhà bố mẹ đẻ của mình để ở. Hai

người đã ly thân từ đó, nay chị xét thấy mâu thuẫn vợ chồng đã thực sự trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được nên chị làm đơn xin ly hôn anh T.

Về con chung: chị và anh T có một con chung, cháu Vũ Ngọc H, sinh ngày 09/01/2020. Sau khi ly thân cháu H đang ở cùng với ông bà nội, ly hôn chị xin được nuôi cháu và yêu cầu anh T phải cấp dưỡng nuôi cháu H mỗi tháng 2.000.000 đồng, kể từ tháng 9/2025 cho đến khi cháu H đủ 18 tuổi.

Về chia tài sản chung và công nợ: chị không yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết.

Sau khi thụ lý vụ án, Toà án đã tiến hành các thủ tục tố tụng theo quy định của pháp luật; yêu cầu đương sự giao nộp chứng cứ để bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của mình. Anh Tú mặc dù biết việc chị P đề nghị giải quyết việc ly hôn và nuôi con, nhưng anh T không có phản hồi hay ý kiến gì về việc chị P yêu cầu toà án giải quyết ly hôn cũng như việc nuôi con sau khi ly hôn.

Toà án tiến hành lấy lời khai bà Quách Thị L (mẹ đẻ anh T), bà L trình bày: bà đã nhận thông báo thụ lý của Toà án và bà đã gửi cho anh T biết việc chị P xin ly hôn anh T và đề nghị giải quyết việc nuôi con. Còn về hôn nhân của hai cháu, sau khi cưới anh T, chị P về sinh sống cùng với nhà bà, trong sinh hoạt hàng ngày hai cháu thường xuyên cãi vã, chủ yếu là vì kinh tế, ở với nhau được 4 năm thì chị P đi lao động bên Trung Quốc, khi về nước chị P về luôn nhà bố mẹ đẻ của mình tại xã G - Ninh Bình để ở, hai vợ chồng ly thân từ đó. Nay chị P làm đơn xin ly hôn, bản thân là cha mẹ không muốn các cháu ly hôn, việc ly hôn thuộc quyền quyết định của các cháu.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 2 Ninh Bình phát biểu ý kiến: về những người tiến hành tố tụng đã thực hiện đúng quy định của pháp luật về trình tự thủ tục tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án đến trước phiên tòa; đề nghị HĐXX căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điển a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 51, Điều 56, Điều 58, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84 của Luật Hôn nhân và gia đình; Điều 227, Điều 228; Khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng Dân sự; khoản 5, khoản 6 Điều 27, Tiểu mục 1.1 Mục 1 Phần II (Danh mục án phí) Nghị quyết 326/2016/UBTVQH ngày 30-12 -2016 của Uỷ ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Đề nghị HĐXX:

1. Chấp nhận đơn khởi kiện của chị Nguyễn Thị P, cho chị Nguyễn Thị P được Ly hôn với anh Vũ Ngọc T;

1.1 Về con chung: giao cháu Vũ Ngọc H, sinh ngày 09/01/2020 cho chị Nguyễn Thị P được trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục. Anh Tú được quyền thăm nom, chăm sóc con chung mà không được ai ngăn cản.

1.2 Về cấp dưỡng nuôi con: anh Vũ Ngọc T có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi cháu Vũ Ngọc H, mỗi tháng 2.000.000đ (Hai triệu đồng) kể từ tháng 9/2025 cho đến khi cháu Vũ Ngọc H đủ 18 tuổi.

2. Về án phí: chị Nguyễn Thị P phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm

được trừ vào tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng chị P đã nộp. Anh Vũ Ngọc T phải nộp 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) án phí cấp dưỡng nuôi con theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại biên bản về việc kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ, công khai tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thẩm quyền: tranh chấp ly hôn được quy định tại khoản 1 Điều 28 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Tòa án nhân dân khu vực có thẩm quyền giải quyết, được quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35 Bộ luật Tố tụng dân sự. Anh Tú có địa chỉ nơi cư trú tại thôn T, phường T, tỉnh Ninh Bình nên thuộc thẩm quyền của tòa án nhân dân khu vực 2 - Ninh Bình giải quyết, căn cứ vào điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về sự vắng mặt của anh T. Toà án đã tiến hành các thủ tục theo đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Toà án xét xử vắng mặt bị đơn theo quy định tại Điều 227 và Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về quan hệ pháp luật: chị P, anh T có đăng ký kết hôn tại UBND xã Q, thành phố T, tỉnh Ninh Bình vào năm 2020. Là cuộc hôn nhân hợp pháp, tuân thủ đúng quy định của luật Hôn nhân và gia đình. Nay chị P xét thấy mâu thuẫn vợ chồng giữa chị P và anh T đã trầm trọng, mục đích của cuộc hôn nhân không đạt được nên chị P làm đơn xin ly hôn anh T. Yêu cầu về việc giải quyết ly hôn là chính đáng cần được pháp luật bảo vệ, được quy định tại khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình.

[3] Nội dung vụ án: chị Nguyễn Thị P kết hôn với anh Vũ Ngọc T vào năm 2020, sau ngày cưới vợ chồng chung sống hạnh phúc được khoảng thời gian ngắn thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân của mâu thuẫn vợ chồng là do trong cuộc sống hai vợ chồng không có sự chia sẻ, anh T thể hiện là người nóng tính, không quan tâm đến vợ con, khi mâu thuẫn sảy ra anh T thường xuyên dùng vũ lực và đánh đuổi vợ ra ngoài. Sống chung với nhau được 4 năm thì chị P đi lao động ở Trung Quốc, sau khi về nước chị P không về chung sống cùng anh T, chị P về nhà mẹ đẻ của mình để ở, vợ chồng ly thân, hai bên tự lo cho cuộc sống của mình, không ai quan tâm đến đời sống của nhau, nay chị xác định tình cảm vợ chồng không còn. Chị P đề nghị được ly hôn anh T.

Bà Quách Thị L (mẹ đẻ anh T) trình bày, sau khi cưới anh T chị P về sinh sống cùng với bà, trong sinh hoạt hàng ngày hai cháu thường xuyên cãi vã, chủ yếu là do kinh tế, ở với nhau được 4 năm thì chị P đi lao động bên Trung Quốc, khi về nước thì chị P về luôn nhà bố mẹ đẻ của mình, hai vợ chồng ly thân từ đó. Nay chị P làm đơn xin ly hôn, bản thân là cha mẹ không muốn các cháu ly hôn, việc ly hôn thuộc quyền quyết định của các cháu.

Qua xác minh tại chính quyền địa phương thể hiện anh T, chị P kết hôn với nhau vào năm 2020, có đăng ký kết hôn, sau ngày cưới vợ chồng ở chung nhà với bố mẹ của anh T tại thôn K, xã Q thành phố T (cũ). Thời gian anh T và chị P sinh sống tại địa phương khoảng 4 đến 5 năm chưa lần nào nhờ chính quyền địa phương xuống hoà giải về mâu thuẫn vợ chồng, sau đó anh T, chị P đi làm ăn xa, không báo chính quyền địa phương nên chính quyền không nắm được anh T, chị P đi đâu, làm gì.

Hội đồng xét xử nhận thấy: mâu thuẫn vợ chồng giữa chị P và anh T đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được nên xử cho chị P được ly hôn với anh T căn cứ khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình.

[4] Về con chung: trong thời kỳ hôn nhân chị P, anh T có 1 con chung cháu Vũ Ngọc H, sinh ngày 09/01/2020 hiện nay cháu đang ở cùng với bà nội, khi ly hôn chị P đề nghị xin được nuôi cháu H và yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 2.000.000đ kể từ tháng 9/2025.

Hội đồng xét xử xét thấy đề nghị của chị P là chính đáng việc giao con cho ai nuôi căn cứ vào quyền lợi về mọi mặt của cháu, hơn nữa hiện nay anh T thường xuyên không có mặt ở nhà. Vì vậy giao cháu Vũ Ngọc H, sinh ngày 09/01/2020 cho chị P là người trực tiếp nuôi dưỡng, chăn sóc giáo dục là phù hợp.

Về cấp dưỡng nuôi con: chị P yêu cầu anh T hàng tháng phải cấp dưỡng nuôi con, mỗi tháng 2.000.000đ kể từ tháng 9 năm 2025 cho đến khi cháu H đủ 18 tuổi. Việc đề nghị của chị P là chính đáng cần chấp nhận buộc anh T phải có trách nhiệm cấp dưỡng như đề nghị của chị P.

[5] Về tài sản chung và nợ chung: chị Nguyễn Thị P không yêu cầu Toà án xem xét giải quyết.

[6] Về án phí: chị Nguyễn Thị P phải chịu án phí dân sự sơ thẩm, anh T phải chịu án phí về cấp dưỡng nuôi con căn cứ vào khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm a khoản 5, điểm a khoản 6 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/ UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ Quốc hội khóa 14, quy định về mức thu, miễn, giảm, quản lý, sử dụng án phí lệ phí Tòa án.

[7] Về quyền kháng cáo: các đương sự được quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147; Điều 227 và Điều 228 Bộ luật Tố tụng Dân sự; khoản 1 Điều 56; Điều 58; Điều 81; Điều 82 và Điều 83 của Luật Hôn nhân và gia đình; điểm a khoản 5, điểm a khoản 6 Điều 27 Tiểu mục 1.1 Mục 1 Phần II (Danh mục án phí) Nghị quyết 326/2016/UBTVQH ngày 30-12 -2016 của Uỷ ban Thường vụ Quốc Hội

quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Xử: cho chị Nguyễn Thị Phương ly H1 với anh Vũ Ngọc T.

2. Về con chung: giao cho chị Nguyễn Thị P được trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cháu Vũ Ngọc H, sinh ngày 09/01/2020 cho đến khi cháu H đủ 18 tuổi. "*Cha, mẹ trực tiếp nuôi con cùng các thành viên trong gia đình không được cản trở người không trực tiếp nuôi con trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con; Cha, mẹ không trực tiếp nuôi con không được lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con*"

Về cấp dưỡng nuôi con: anh Vũ Ngọc T có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi cháu Vũ Ngọc H, mỗi tháng 2.000.000đ (Hai triệu đồng) kể từ tháng 9/2025 cho đến khi cháu Vũ Ngọc H đủ 18 tuổi.

Kể từ ngày chị Nguyễn Thị P có đơn yêu cầu thi hành án, nếu chậm thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con, thì anh Vũ Ngọc T còn phải trả số tiền lãi của số tiền chậm thi hành án tương ứng với thời gian chậm thi hành án, theo quy định tại Điều 357 Bộ luật Dân sự năm 2015.

3. Về án phí: chị Nguyễn Thị P phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự được trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng chị P đã nộp theo biên lai số: 0000551 ngày 22/5/2025 tại chi cục Thi hành án dân sự thành phố Tam Điệp, tỉnh Ninh Bình (nay là phòng thi hành án khu vực 2 Ninh Bình). Chị P đã nộp đủ án phí.

Anh Vũ Ngọc T phải nộp 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) án phí cấp dưỡng nuôi con theo quy định của pháp luật.

Chị P được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, anh T được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Trong trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7a, 7b và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ toạ phiên toà

Đã ký

Phan Ngọc Hà

Nơi nhận:
- *Các đương sự;*
- *TAND tỉnh Ninh Bình;*
- *VKSND khu vực 2 – Ninh Bình;*
- *Thi hành án dân sự tỉnh Ninh Bình;*
- *UBND phường Tam Điệp – Ninh Bình;*
- *Lưu hồ sơ , vp.*